

Đơn vị báo cáo: **Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên**

Mã chương: **004**

Mã ĐVQHNS: **1009221**

CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKS ngày 17/6/2026

của VKSND tỉnh Hưng Yên)

A. TÌNH HÌNH CHUNG

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có 09 đơn vị dự toán cấp III, bao gồm: Văn phòng viện tỉnh và 08 đơn vị VKSND cấp khu vực trực thuộc.

1. Tình hình người lao động

1.1. Về biên chế

Số biên chế được giao là 366 biên chế, thực hiện năm 2025: 367 biên chế, chênh lệch thiếu 01.

1.2. Về hợp đồng lao động

Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện: 57 người, đơn vị ký kết hợp đồng lao động: Theo hệ số.

2. Tình hình thực hiện thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

2.1. Dự toán ngân sách nhà nước được giao

- Tổng số kinh phí quản lý hành chính được giao: 125.405.068.725 đồng, trong đó:
 - + Dự năm trước chuyển sang: 3.246.869.136 đồng
 - + Kinh phí thực hiện tự chủ: 102.110.200.000 đồng;
 - + Kinh phí không thực hiện tự chủ: 19.472.199.589 đồng.
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: 575.800.000 đồng.

Căn cứ dự toán được VKSND tối cao giao và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành của nhà nước, nhiệm vụ trọng tâm năm, các nhiệm vụ đặc thù của Ngành, các nhiệm vụ phát sinh, VKSND tỉnh đã phân bổ kinh phí được giao đến từng đơn vị dự toán trực thuộc công khai theo đúng tổng mức và các nội dung nguồn vốn được giao của Quyết định số 131/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2022 của VKSND tối cao.

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Dự toán VKSND tối cao giao	Kinh phí thực nhận trong năm	Kinh phí được quyết toán	Tỷ lệ % QT/D T
	Tổng cộng (I+II)	3.246.869.136	122.158.199.589	124.558.868.690	123.804.318.690	99,85
I	Kinh phí Quản lý nhà nước (L 340 – K 341)	3.246.869.136	121.582.399.589	123.983.068.690	123.228.518.690	
1	Kinh phí QLNN thực hiện chế độ tự chủ	446.869.136	102.686.000.000	102.600.669.136	101.846.119.136	99,26
2	Kinh phí QLHC không thực hiện chế độ tự chủ	2.800.000.000	19.472.199.589	21.382.399.589	21.382.399.554	
2.1	Kinh phí trang phục		1.783.000.000	1.783.000.000	1.783.000.000	100,0
2.2	Kinh phí sửa chữa, bảo trì trụ sở	2.800.000.000	3.140.000.000	5.626.000.000	5.626.000.000	100,0
2.3	Kinh phí tinh giản biên chế		5.676.499.589	5.676.499.589	5.676.499.589	100,0
2.4	Kinh phí thuê luật sư, trợ cấp nhân chứng		109.000.000	109.000.000	109.000.000	100,0
2.5	Chi nhiệm vụ tăng thêm theo BLHS, BLTTHS		1.870.000.000	1.870.000.000	1.870.000.000	100,0
2.6	Kinh phí hỗ trợ công tác KS trại giam, trại tạm giam		240.000.000	240.000.000	240.000.000	100,0
2.7	Kinh phí tiền thưởng		4.020.400.000	4.020.399.965	4.020.399.965	99,99
2.8	Kinh phí mua sắm, trang thiết bị theo Đề án		1.342.000.000	1.342.000.000	1.342.000.000	100,0
2.9	Kinh phí di chuyển trụ sở do sắp xếp lại bộ máy		603.000.000	603.000.000	603.000.000	100,0
2.10	KP chi hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về CDS, ATTTM, ANM		112.500.000	112.500.000	112.500.000	100,0
II	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ		575.800.000	575.800.000	575.800.000	100,0

1	Đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ (L 070 - K 085)		575.800.000	575.800.000	575.800.000	100,0
	Kinh phí địa phương hỗ trợ		6.890.511.000	6.890.511.000	6.890.511.000	100,0
	Hỗ trợ phục vụ nghiệp vụ		1.890.511.000	1.890.511.000	1.890.511.000	100,0
	Vốn đầu tư		5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	100,0

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao

Năm ngân sách 2025, VKSND tỉnh Hưng yên đã thực hiện đúng các nhiệm vụ chi trong năm. Quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 đạt 99,85% so với dự toán được giao. Lý do:

- Kinh phí giảm trong năm: 1.600.750.035 đồng, trong đó:
 - + Giảm do tiết kiệm 10%: 846.200.000 đồng
 - + Nguồn kinh phí không tự chủ hủy tại KBNN: 35 đồng do đơn vị hết nhiệm vụ chi phần kinh phí khen thưởng.
 - + Nguồn kinh phí tự chủ hủy tại KBNN : 754.550.000 đồng là số dư tiền lương và chi thường xuyên của CC nghỉ 178, còn phải nộp NSNN

2. Nguồn ngân sách nhà nước trong nước

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 3.246.869.136 đồng.
- Tổng dự toán được giao trong năm: 122.158.199.589 đồng:
- Kinh phí quyết toán: 123.804.318.690 đồng.
- Kinh phí giảm trong năm: 1.600.750.035 đồng.

II. Thuyết minh khác

1. Chi phí tiền lương năm 2025: 79.648.901.021 đồng
2. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm 5.825.567.695 đồng, sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính 5.825.567.695 đồng để chi:
 - Thu nhập tăng thêm: 1.236.174.888 đồng;
 - Phúc lợi tập thể: 4.589.392.807 đồng;